

Số: 79/2022/QĐST-HNGĐ

T, ngày 24 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 76/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1994; Địa chỉ: 139/49 đường P, Phường Q, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người yêu cầu: Ông Lý Tiến M, sinh năm 1996; Địa chỉ: 139/49 đường P, Phường Q, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ nơi làm việc: Công ty A – 385 Đường S, Phường K, quận T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 173 ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân Phường Q, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Kim T và ông Lý Tiến M là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tự nguyện chung sống vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường Q, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 173 ngày 25/12/2017. Trong quá trình chung sống thì xảy ra bất đồng về quan điểm, không hòa thuận, không còn tình cảm. Nay, ông bà nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Có 01 con chung: Lý Minh Đ, sinh ngày 11/5/2018. Hai bên thỏa thuận ông Lý Tiến M trực tiếp nuôi 01 con chung Lý Minh Đ và bà Huỳnh Thị Kim T không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Lý Tiến M cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Lý Tiến M thuận tình ly hôn (Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Lý Tiến M đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 173 ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân Phường Q, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Có 01 con chung: Lý Minh Đ, sinh ngày 11/5/2018. Hai bên thỏa thuận ông Lý Tiến M trực tiếp nuôi 01 con chung Lý Minh Đ, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Huỳnh Thị Kim T do ông Lý Tiến M chưa có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Huỳnh Thị Kim T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Huỳnh Thị Kim T và ông Lý Tiến M chịu được căn cứ vào tiền tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0030582 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.T;
- Chi cục THADS Q. T;
- UBND Phường Q, Quận C, TP.HCM;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Dương Thị Lan Ngọc